

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 04 - 2024.

V/v: “T/c ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quang Hoạch và ông Đinh Xuân Dậu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Lê Đình Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 1160/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2023, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 04 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 50/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thùy L, sinh năm 1991.

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn T, sinh năm 1986.

Cùng cư trú tại: Đường P, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thùy L trình bày:

Chị Phạm Thùy L và anh Phạm Văn T tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào năm 2011.

Sau khi kết hôn chị L và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân do anh T ham mê bài bạc, không chịu đi làm phụ giúp chị L trang trải cuộc sống gia đình. Anh T cũng không hề quan tâm tới việc chăm sóc, nuôi dưỡng, dạy dỗ học hành của các con mà để chị L một mình lo toan hết tất cả các

công việc trong gia đình. Chị **L** đã đưa các con về nhà bố mẹ đẻ ở một khoảng thời gian để anh **T1** sửa đổi nhưng anh **T1** vẫn không hề quan tâm, lo lắng, hỏi han gì. Nay chị **L** xác định không còn tình cảm yêu thương dành cho anh **T1** nữa, cuộc sống gia đình đã trở nên ngột ngạt và mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **L** đề nghị được ly hôn với anh **Phạm Văn T** để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Chị **L** trình bày chị và anh **T** có 02 con chung là **Phạm Ngọc Tường V**, sinh ngày 07/6/2012 và **Phạm Quỳnh A**, sinh ngày 03/11/2015. Khi ly hôn, chị **L** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung; yêu cầu anh **T** cấp dưỡng tiền cho chị **L** nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Hiện tại, chị **L** đang làm việc tại **Công ty TNHH E**, thu nhập bình quân một tháng khoảng 07 triệu đồng.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Chị **L** cam kết chị và anh **T** không có nợ chung.

** Anh **Phạm Văn T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng nhưng anh **T** vẫn không đến Tòa án làm việc, không tham gia phiên tòa và cũng không có ý kiến trình bày.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị **Phạm Thùy L** được ly hôn với anh **Phạm Văn T**. Về con chung: Giao cho chị **Phạm Thùy L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là **Phạm Ngọc Tường V**, sinh ngày 07/6/2012 và **Phạm Quỳnh A**, sinh ngày 03/11/2015; buộc anh **T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị **L** nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con bằng 01 tháng lương cơ bản là 1.800.000 đồng (Một triệu, tám trăm ngàn đồng). Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung khai không có; bị đơn không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Chị **Phạm Thùy L** khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh **Phạm Văn T** hiện đang cư trú tại: **Đường P - G, ấp Đ, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai** và tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1

Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] Chị **Phạm Thùy L** có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; anh **Phạm Văn T** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa chị **Phạm Thùy L** và anh **Phạm Văn T** là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2011 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã kêu gọi chị **Phạm Thùy L** đoàn tụ với anh **Phạm Văn T** nhưng chị **L** vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương, tôn trọng dành cho nhau nữa.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh **Phạm Văn T** đến Tòa án để làm việc, vận động hàn gắn đoàn tụ giữa chị **L**, anh **T** nhưng anh **T** không chấp hành, nhận các văn bản tố tụng nhưng từ chối ký biên bản, vắng mặt mà không có lý do chính đáng, chứng tỏ anh **T** cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của anh chị.

Các cháu **Phạm Ngọc Tường V** và **Phạm Quỳnh A** cũng trình bày: Anh **Phạm Văn T** và chị **Phạm Thùy L** hiện không còn sống chung với nhau nữa, các cháu đã theo chị **L** về nhà bà ngoại ở.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị **Phạm Thùy L** và anh **Phạm Văn T** đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị **Phạm Thùy L** được ly hôn với anh **Phạm Văn T**.

2.2. Về con chung:

Chị **Phạm Thùy L** yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con chung là **Phạm Ngọc Tường V**, sinh ngày 07/6/2012 và **Phạm Quỳnh A**, sinh ngày 03/11/2015. Anh **Phạm Văn T** không có tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Hiện nay các cháu **Phạm Ngọc T2 V** và **Phạm Quỳnh A** theo chị **L** về nhà bà ngoại ở; cả cháu **V** và cháu **A** đều có nguyện vọng được ở cùng với chị **Phạm Thùy L**. Do đó, tiếp tục giao cho chị **Phạm Thùy L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là **Phạm Ngọc**

Tường V và **Phạm Quỳnh A** là đảm bảo việc phát triển toàn diện cho con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Anh T1 không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị **Phạm Thùy L** nuôi con chung. Mức cấp dưỡng tùy thuộc vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng chị **L** yêu cầu mỗi tháng cho một con là 3.000.000 đồng (Hai triệu đồng), anh **T1** không có ý kiến trình bày hay phản đối về việc cấp dưỡng nuôi con. Do đó, anh **Phạm Văn T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị **L** nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con là 01 tháng lương cơ bản hiện nay là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng) là phù hợp khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc anh **Phạm Văn T** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị **Phạm Thùy L** nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 26/04/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

2.3. *Về tài sản chung*: Chị **Phạm Thùy L** và anh **Phạm Văn T** không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2.4. *Về nợ chung*: Chị **Phạm Thùy L** trình bày không có, anh **Phạm Văn T** không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị **Phạm Thùy L** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; anh **Phạm Văn T** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **Phạm Thùy L**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thùy L** được ly hôn với anh **Phạm Văn T**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Phạm Thùy L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con chung là **Phạm Ngọc Tường V**, sinh ngày 07/6/2012 và **Phạm Quỳnh A**, sinh ngày 03/11/2015.

Buộc anh **Phạm Văn T** có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho chị **Phạm Thùy L** nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con là 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 26/04/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh **Phạm Văn T**.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị **Phạm Thùy L** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007878 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị **Phạm Thùy L** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh **Phạm Văn T** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bom;
- UBND xã Giang Điền, huyện Trảng Bom (GCNKH số 64/2011 ngày 11/11/2011);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh

